

Bản án số: 121/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2024

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Quốc Văn

Ông Hoàng Xuân Niêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 2000 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp XL, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Hồng Văn T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp XL, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trình bày của bà Nguyễn Thị Mộng T tại đơn khởi kiện ngày 13/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Hồng Văn T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã CA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 28/6/2019. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, bà T và ông T đã ly thân cách nay 04 năm nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà T và ông T có 01 người con chung tên Hồng Nguyễn Ái V, sinh ngày 25/9/2019 (giới tính nữ), hiện do bà T nuôi dạy. Khi ly hôn, bà T

yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Mộng T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Hồng Văn T. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông Hồng Văn T có nơi cư trú tại Ấp XL, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Hồng Văn T đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lí do. Do đó, xét xử vắng mặt ông Hồng Văn T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Hồng Văn T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chánh An, huyện Mạnh Thít, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 28/6/2019. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, bà T và ông T đã ly thân cách nay 04 năm nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà T xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổ chức hòa giải để bà T và ông T gặp gỡ nhau, hòa giải đoàn tụ nhưng không có kết quả do ông T vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Hồng Văn T được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Hồng Văn T có 01 người con chung tên Hồng Nguyễn Ái V, sinh ngày 25/9/2019 (giới tính nữ), hiện do bà T đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con

chung. Xét thấy cháu V chưa đủ 07 tuổi, là nữ, từ trước đến nay sống chung với bà T nên cần để cho bà T tiếp tục nuôi dạy để duy trì sự ổn định về tâm lí của cháu, bà T không đặt ra yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xét, ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

[5] Tài sản chung: Bà T xác định bà và ông T đã ly thân trong thời gian dài, không có tài sản chung, quá trình giải quyết vụ án ông T không có ý kiến gì về tài sản chung, do đó không xét là phù hợp.

[6] Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có nợ chung, ông T không có ý kiến gì về vấn đề này. Quá trình giải quyết vụ án, không ai đặt ra yêu cầu gì về nợ chung đối với vợ chồng nên không xem xét về nợ chung là phù hợp.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng T về việc ly hôn đối với ông Hồng Văn T.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Hồng Văn T được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Hồng Nguyễn Ái V, sinh ngày 25/9/2019 (giới tính nữ) cho bà Nguyễn Thị Mộng T tiếp tục nuôi dạy, bà T không đặt ra yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, ông T không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mộng T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 13 tháng 6 năm 2024, bà T có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0016278 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã CA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lan Anh